BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN LÊ HỒNG UYÊN

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng
Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **TS. NGUYỄN HÒA NHÂN**

Phản biện 1: TS. Đoàn Gia Dũng
Phản biện 2: TS. Hồ Kỳ Minh

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại :
- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian qua, hoạt động của MSB chi nhánh Đà Nẵng đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, tuy nhiên tình hình nợ xấu vẫn tồn tại tại chi nhánh. Trên cơ sở nhận thức sự cần thiết phải hạn chế rủi ro tín dụng trên cơ sở quản trị rủi ro doanh nghiệp tại Chi nhánh Đà Nẵng, tác giả chọn đề tài *"Quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đà Nẵng"* để nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ – chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các khái niệm về các dạng rủi ro trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp trong hoạt động NHTM.

- Phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Đà Nẵng.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng doanh của Ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

+ Về không gian: Ngân hàng TMCP Hàng Hải CN Đà Nẵng.

+ Về thời gian: dữ liệu giai đoạn từ năm 2009-2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp…kết hợp với các phương pháp chuyên gia, phương pháp thống kê.

5. Cấu trúc luận văn

- Chương 1: Cơ sở lý luận về rủi ro và quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) chi nhánh Đà Nẵng.

- Chương 3: Một số giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) chi nhánh Đà Nẵng.

6. Tổng quan tài liệu

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NHTM

1.1.1. Khái niệm và phân loại rủi ro trong hoạt động của NHTM

Rủi ro là những biến cố không mong đợi xảy ra dẫn đến sự tổn thất về tài sản của ngân hàng.

1.1.2. Rủi ro TD trong hoạt động cho vay của NHTM

a. Khái niệm và đặc điểm của rủi ro tín dụng

Có 2 cấp độ: trả nợ không đúng hạn và không trả được nợ.

- Rủi ro tín dụng mang tính đa dạng và phức tạp.
- Rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp, mang tính khách quan.

b. Phân loại rủi ro tín dụng

Gồm: Rủi ro tín dụng, rủi ro hối đoái, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tồn đọng vốn, các rủi ro khác như khả năng xảy ra cướp ngân hàng, nhầm lẫn trong thanh toán, hoả hoạn...

1.2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ TDDN

1.2.1. Khái niệm về doanh nghiệp

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

1.2.2. Ý nghĩa nghiệp vụ tín dụng doanh nghiệp của NHTM

a. Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

Tầm quan trọng của doanh nghiệp thể hiện ở một số điểm sau:

- Doanh nghiệp góp phần vào tăng trưởng kinh tế.

- Việc phát triển doanh nghiệp góp phần làm đa dạng các hình thức sở hữu, đa dạng các ngành nghề kinh doanh.
- Hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

b. Ý nghĩa đối với môi trường

Doanh nghiệp là mảnh đất màu mỡ, giàu tiềm năng cho các ngân hàng mở rộng quy mô hoạt động.

1.3. QUẢN TRỊ RR TDDN CỦA NHTM

1.3.1. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học toàn diện và có hệ thống nhằm nhận dạng, đánh giá, kiểm soát và tài trợ những tổn thất, mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro trong hoạt động cho vay.

1.3.2. Mục tiêu của quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Giúp ngân hàng khống chế mức thấp nhất những chi phí về rủi ro, làm cực đại kết quả kinh doanh và đảm bảo an toàn tài chính ngân hàng, tối đa hoá tỉ lệ thu nhập đã được điều chỉnh rủi ro bằng việc duy trì mức độ rủi ro cho vay trong phạm vi chấp nhận được.

1.3.3. Các nguyên tắc của quản trị rủi ro TDDN

Các nguyên tắc đưa ra bao gồm :

A. Thiết lập một môi trường rủi ro cho vay phù hợp:

B. Xây dựng một quy trình cho vay hợp lý:

C. Duy trì quá trình đo lường và giám sát chất lượng:

D. Bảo đảm kiểm soát cho vay đầy đủ:

E. Vai trò của cơ quan giám sát:

1.3.4. Nội dung của quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Nhận dạng rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Nhận dạng rủi ro tín dụng bao gồm các công việc theo dõi, xem xét, nghiên cứu môi trường hoạt động tín dụng và toàn bộ hoạt động tín dụng của ngân hàng, nhằm thống kê được tất cả các rủi ro. Cụ thể một số nhóm dấu hiệu như sau:

- *Các dấu hiệu từ phía khách hàng:*

- Khách hàng đi vay không tuân thủ các quy định trả nợ.
- Giá trị Tài sản bảo đảm bị sụt giảm hoặc biến mất .
- Không thường xuyên kiểm tra tình hình tài chính.
- Sự gia tăng bất thường về hàng tồn kho, các khoản nợ.
- Tình hình sản xuất kinh doanh bị đình trệ, chấp nhận nguồn vốn vay với lãi suất cao, các nguồn thu nhập bất thường .
- Những thay đổi bất ngờ về số dư tiền gửi tại Ngân hàng.

Các dấu hiệu từ phía ngân hàng:

- Cung cấp tín dụng với khối lượng lớn cho một số khách hàng mới quan hệ lần đầu. Hồ sơ tín dụng không đầy đủ.
- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ không tốt.

b. Đánh giá rủi ro tín dụng

Đo lường rủi ro tín dụng là việc tất cả các ngân hàng đều phải làm để lượng hóa rủi ro tín dụng trên cơ sở đó có những biện pháp điều chỉnh kịp thời. Các chỉ tiêu thường được sử dụng:

- Tỷ lệ nợ quá hạn
- Tỷ lệ nợ xấu
- Tỷ lệ nợ xóa ròng
- Hệ số rủi ro tín dụng.
- Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng
- Xác suất rủi ro tín dụng

Ngày nay hầu hết các ngân hàng đánh giá rủi ro tín dụng thông qua các mô hình định tính và mô hình định lượng.

Mô hình định tính:

- *Mô hình 6C:*

- Tư cách người vay (Character), Năng lực của người vay (Capacity), Thu nhập của người đi vay (Cash), Bảo đảm tiền vay (Collateral), Các điều kiện (Conditions), Kiểm soát (Control).

Quá trình kiểm tra tín dụng:

- Tiến hành kiểm tra tín dụng theo định kỳ.
- Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung quá trình kiểm tra thận trọng và chi tiết.

- Kiểm tra các thường xuyên các khoản tín dụng lớn.
- Kiểm tra thường xuyên các khoản tín dụng có vấn đề.
- Kiểm tra những ngành nghề có dấu hiệu suy thoái.

- *Mô hình định lượng:*

Mô hình điểm Z

Để đo lường rủi ro tín dụng của các ngân hàng trong việc cho vay đối với các doanh nghiệp chế biến thủy sản đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bài viết sử dụng mô hình điểm số Z của Giáo Sư Edward I. Altman để cho điểm tín dụng đối với các doanh nghiệp vay vốn. Từ mô hình điểm số Z được Giáo Sư Edward I. Altman đã phát triển ra Z' và Z'' để có thể áp dụng theo từng loại hình và ngành của doanh nghiệp, như sau:

- *Chấm điểm tín dụng:*

Chấm điểm tín dụng là kỹ thuật sử dụng các dữ liệu nghiên cứu thống kê và hoạt động để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng đối với khách hàng. Ở Mỹ, The US Fair Isaac Company (FICO) là công ty phát triển hệ thống chấm điểm tín dụng tự động vào những năm 1960 và 1970. Điểm tín dụng do FICO xây dựng từ 300 đến 850, điểm trung bình là 720 và điểm càng cao thì rủi ro tín dụng càng thấp.

- *Xếp hạng tín dụng:*

Đây là kỹ thuật đánh giá rủi ro tín dụng do các tổ chức xếp hạng thực hiện và công bố dựa trên các tiêu chí phản ánh uy tín tín dụng của người vay nợ.

c. Kiểm soát rủi ro tín dụng

Kiểm soát rủi ro tín dụng là sử dụng các biện pháp, các kỹ thuật, công cụ, chiến lược, các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng không mong muốn có thể xảy ra với ngân hàng.

- *Xây dựng và thực thi các chính sách, công cụ để kiểm soát rủi ro tín dụng:*

- Chính sách tín dụng.
- Quy trình tín dụng.

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát tín dụng.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nhân viên.

Áp dụng các biện pháp giảm thiểu, khắc phục rủi ro tín dụng:

- Nâng cao hiệu quả công tác thẩm định trước khi cho vay.
- Đảm bảo quyền hợp pháp đối với tài sản thế chấp.
- Phân tán rủi ro tín dụng:.
- Bảo hiểm rủi ro tín dụng
- Quản lý giám sát và hoàn thiện hồ sơ khoản cấp tín dụng.

Bảo đảm tín dụng:

Là việc tổ chức tín dụng áp dụng các biện pháp tín dụng nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi các khoản nợ đã cho khách hàng vay. Các hình thức bảo đảm tín dụng bao gồm: Thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và bảo đảm bằng hình thức bảo lãnh.

d. Tài trợ rủi ro tín dụng

Tài trợ rủi ro tín dụng bao gồm: Bảo đảm tín dụng, chuyển giao rủi ro tín dụng và lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng.

Chuyển giao rủi ro tín dụng:

- Mua bảo hiểm tín dụng.
- Bán nợ: tổ chức có thế mạnh hơn trong việc thu hồi nợ so với Ngân hàng cho vay, họ mua lại các khoản vay từ Ngân hàng cho vay và tiến hành việc cơ cấu hoặc đòi nợ từ chủ khoản vay.
- Chứng khoán hoá: Người mua chứng khoán sẽ thanh toán khoản nợ và thu hồi lại vốn từ người phát hành hoặc người mua lại. Như vậy, Ngân hàng đã chuyển giao rủi ro cho một số tổ chức hay cá nhân trong nền kinh tế.
- Hoán đổi tín dụng: Thông qua một tổ chức trung gian, Ngân hàng tiến hành mua một hợp đồng quyền bán đối với một bộ phận của danh mục cho vay. Khi có một khoản vay không thể thu hồi, Ngân hàng sẽ nhận được một khoản tiền bằng chênh lệch giữa giá trị khoản vay trừ đi giá trị thanh lý của tài sản đảm bảo cho khoản vay.

- *Lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng:*

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng nhằm khắc phục rủi ro nếu có trong những tình huống này. Trong trường hợp xảy ra khoản tín dụng không thể thu hồi, ngân hàng có thể sử dụng quỹ dự phòng để bù đắp nhằm khắc phục rủi ro.

1.3.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản trị RRTD

- Nhân tố thuộc về năng lực quản trị của ngân hàng:
- Nhân tố thuộc về phía ngân hàng:

- Ngân hàng không có đủ thông tin về các số liệu thống kê, chỉ tiêu để phân tích và đánh giá khách hàng.
- Sự lơi lỏng trong quá trình giám sát cho vay.
- Quá tin tưởng vào tài sản thế chấp, bảo lãnh, bảo hiểm, coi đó là vật đảm bảo chắc chắn cho sự thu hồi cả gốc và lãi tiền vay.
- Năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ tín dụng còn kém.
- Ngân hàng không giải quyết hợp lý quan hệ giữa nguồn vốn huy động và nguồn vốn sử dụng.
- Cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng chưa lành mạnh.

- Nhân tố thuộc về phía khách hàng:

- Sử dụng vốn sai mục đích, năng lực quản lý kinh doanh kém, tình hình tài chính doanh nghiệp thiếu minh bạch
- Khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng dưới một danh nghĩa hay nhiều thực thể khác nhau.
- Doanh nghiệp cố tình lừa đảo ngân hàng.

- Nhân tố khách quan:

- Sự thay đổi của môi trường tự nhiên.
- Sự biến động của thị trường thế giới.
- Rủi ro do môi trường pháp lý.
- Sự giám sát chưa hiệu quả của Ngân hàng Nhà nước.
- Hệ thống thông tin quản lý còn bất cập.
- Sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát.

Kết luận Chương 1

Trong chương 1, luận văn đã hệ thống hóa các khái niệm, kiến thức về rủi ro, các dạng rủi ro trong hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp trong hoạt động NHTM; các phương pháp đo lường, giảm thiểu rủi ro và nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp của ngân hàng thương mại. Đây là tiền đề để nghiên cứu những chương tiếp theo của luận văn.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG (MSB - ĐN)

2.1. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG MSB ĐÀ NẴNG

2.1.1. Giới thiệu chung về MSB chi nhánh Đà Nẵng

a. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của CN

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG (MSB - ĐN)

Địa chỉ: số 15 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Chi nhánh MSB - ĐN được thành lập từ ngày 20/07/1993.

b. Sơ đồ và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của MSB - ĐN

MSB - ĐN là chi nhánh cấp 1 của MSB, trực tiếp quản lý kinh doanh của 05 phòng giao dịch trên địa bàn TP.Đà Nẵng, bao gồm: PGD Cẩm Lệ, PGD Hòa Khánh, PGD Hoàng Diệu, PGD Hải Châu, PGD Thanh Khê.

c. Chức năng, nhiệm vụ của chi nhánh hiện nay

MSB chi nhánh Đà Nẵng hoạt động kinh doanh theo luật tổ chức tín dụng và điều lệ của MSB. Với chức năng là thực hiện kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ Ngân hàng mà đối tượng phục vụ là tất cả khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế.

2.1.2. Khái quát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của chi nhánh trong giai đoạn 2009-2011

a. Tình hình huy động vốn

Qua bảng dưới ta thấy tổng nguồn vốn huy động được vào cuối năm 2011 là 1.327.061 triệu đồng, tăng trưởng 8,28% so với năm 2010. Nhìn chung, nguồn vốn huy động của MSB - Đà Nẵng trong ba năm qua đã tăng lên một cách đáng kể. Như vậy ta có thể khẳng định được rằng MSB - Đà Nẵng đã có một sự tín nhiệm rất lớn ở nơi người dân trên địa bàn mà khó Ngân hàng nào có thể làm được điều này.

b. Tình hình hoạt động cho vay

Nhìn chung chất lượng tín dụng của MSB Đà Nẵng trong ba năm qua có dư nợ cho vay không ngừng tăng lên, điều này phản ánh hoạt động cho vay của ngân hàng ngày càng phát triển. Bên cạnh đó, Chi Nhánh cũng đã xây dựng được một mức tăng trưởng tín dụng vững chắc phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta trong giai đoạn này.

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Qua số liệu ở Bảng 2.3 ta thấy được lợi nhuận của ngân hàng tăng từ 19.763 triệu đồng năm 2010 lên 21.154 triệu đồng năm 2011, tăng 1.391 triệu đồng (tương đương 7,04%).

Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập – Tổng chi phí

Tổng thu năm 2011 tăng lên so với 2010, với tốc độ tăng trưởng là 4,13%. Ngoài ra, năm 2011 thu từ các hoạt động dịch vụ cũng tăng, đạt tốc độ tăng trưởng là 12,24% so với năm trước. Lợi nhuận tăng cao chứng tỏ Ngân hàng hoạt động ngày càng hiệu quả.

2.2. PHÂN TÍCH QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI MSB ĐÀ NẴNG

2.2.1. Thực trạng nhận dạng RRTD doanh nghiệp

a. Các dấu hiệu từ phía khách hàng

- Khách hàng đi vay không tuân thủ các quy định và thỏa thuận trong việc sử dụng vốn vay và trả nợ.

- Cản trở ngân hàng trong việc kiểm tra định kỳ, đột xuất, có dấu hiệu không thực hiện đầy đủ các quy định trong hợp đồng tín dụng.

- Giá trị tài sản bảo đảm bị sụt giảm so với khi định giá ban đầu, sự gia tăng bất thường về hàng tồn kho, các khoản nợ.

- Không thường xuyên kiểm tra tình hình tài chính.

- Báo cáo tài chính thiếu minh bạch, thuyết phục..

- Tình hình sản xuất kinh doanh bị đình trệ.

- Xuất hiện mâu thuẫn, bất đồng trong quản trị điều hành.

- Chấp nhận nguồn vốn vay với lãi suất cao.

b. Các dấu hiệu từ phía ngân hàng

- Vì mục tiêu thực hiên chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng nên đôi lúc xem nhẹ mục tiêu an toàn, hiệu quả.

- Hồ sơ tín dụng không đầy đủ; không thực hiện kịp thời, thường xuyên giám sát khoản vay, khách hàng vay vốn.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ không tốt.

Tuy nhiên, công tác nhận diện rủi ro còn một số vấn đề cần nghiên cứu khắc phục đó là:

- Chưa tổng kết, dự báo để đưa ra bảng thống kê các dấu hiện rủi ro tín dụng phục vụ cho công tác nhận diện rủi ro tín dụng của nhân viên ngân hàng một cách có hệ thống, chủ động, khoa học.
- Cán bộ ngân hàng thu thập thông tin, nhận diện rủi ro tín dụng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, kiến thức của mình nên chưa đảm bảo tính minh bạch, khách quan, hiệu quả chưa cao.
- Việc cung cấp thông tin để phục vụ việc nhận diện rủi ro chủ yếu từ phía khách hàng, trong khi thông tin khách hàng cung cấp có độ tin cậy chưa cao.

c. Làm việc với các nguồn bên ngoài

Các nguồn bên ngoài mà ngân hàng có thể sử dụng như: các đối tác kinh doanh của khách hàng, các NHTM khác đã có quan hệ với khách hàng, chính quyền địa phương nơi khách hàng hoạt động kinh doanh...

2.2.2. Thực trạng đánh giá rủi ro tín dụng doanh nghiệp

MSB Đà Nẵng đo lường rủi ro tín dụng theo hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng tín dụng nội bộ *(MSB Ratings).*

a. Quy trình chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự như sau :

Bước 1 : Thu thập thông tin.

Bước 2 : Xác định ngành nghề lĩnh vực kinh doanh.

Bước 3 : Chấm điểm qui mô doanh nghiệp.

Bước 4: Chấm điểm các chỉ số tài chính, các chỉ số tài chính này được chấm điểm theo thang điểm của từng ngành.

Bước 5: Chấm điểm các tiêu chí phi tài chính

Bước 6: Tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng

Tuỳ theo kết quả chấm điểm tín dụng, khách hàng sẽ được chia ra làm 6 mức độ rủi ro tín dụng khác nhau:

Bảng 2.4: Bảng chấm điểm rủi ro tín dụng

Điểm	Xếp loại	Đánh giá	Nhóm rủi ro
87 - 100	A^+	Xuất sắc	Thấp
74 - 86	A	Tốt	Thấp
61 -73	B^+	Trung bình	Trung bình
48 – 60	B	Dưới trung bình	Trung bình
35 – 47	C^+	Rủi ro không thu hồi cao	Cao
0 – 34	C	Rủi ro không thu hồi rất cao	Cao

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Đà Nẵng)

Đánh giá tài sản bảo đảm để rút ra kết luận cuối cùng về chất lượng khoản tín dụng. Kết quả đánh giá TSBĐ cũng được ghi cùng với kết quả chấm điểm rủi ro vào trong "Phiếu xếp hạng tín dụng".

b. Đánh giá tín dụng kết hợp

Kết quả đánh giá tín dụng kết hợp sẽ là một trong những căn cứ để Ban tín dụng/Hội đồng tín dụng xét duyệt khoản tín dụng. Dựa vào kết quả của mỗi khách hàng, nhân viên tín dụng sẽ đề xuất ý kiến giải quyết theo hướng:

- Phê duyệt những khoản tín dụng đạt kết quả đánh giá tín dụng kết hợp từ "Trung bình" trở lên. Ưu tiên những khoản tín dụng có mức đánh giá "Tốt" và "Xuất sắc".

- Áp dụng mức lãi suất và phí bình thường theo quy định hiện hành của MSB đối với các khách hàng loại "Trung bình" và áp dụng lãi suất và phí giảm dần theo thứ tự ưu tiên đối với khách hàng thuộc các loại: Trung bình - Tốt - Xuất sắc.

2.2.3. Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Kiểm soát nguồn gây ra rủi ro tín dụng

- Đối với rủi ro đến từ khách hàng: nhân viên A/O có thể phát hiện ra những nguy cơ tiềm ẩn cũng như hiện hữu từ đó có thể đề xuất và đưa ra những giải pháp thích hợp.

- Đối với nguồn rủi ro từ nhân viên: tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn.

b. Kiểm soát quá trình thẩm định và giải ngân khoản vay

- Mục đích sử dụng vốn vay, tiến độ thực hiện của dự án

- Tình hình trả nợ, quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng

- Tình hình kinh doanh, tài chính của khách hàng

- Tài sản đảm bảo

Các nội dung kiểm soát liên quan đến tài sản bảo đảm gồm:

+ Tình trạng hiện tại của tài sản.

+ Giá trị của tài sản.

+ Khả năng phát mại.

- Việc thực hiện những cam kết của người vay:

Những yếu tố mà cam kết có thể gây ảnh hưởng gồm:

- Cung cấp thông tin
- Duy trì tình hình tài chính.
- Duy trì sự tồn tại và đặc điểm của công ty.

- Các vấn đềpháp lý phát sinh liên quan đến khách hàng và phương án kinh doanh, dự án đầu tư.

- Các thông tin khác liên quan đến khách hàng.

c. Kiểm soát bằng chiến lược đa dạng hóa

Hiện nay chi nhánh đang chủ trương đa dạng hóa các khoản vay thể hiện ở sự đa dạng của các thành phần kinh tế, đa dạng ngành nghề, lĩnh vực. chi nhánh chủ trương tập trung cho vay ngắn hạn nhiều hơn trung và dài hạn, thắt chặt cho vay mua bất động sản và mua chứng khoán.

d. Kiểm soát bằng việc tiến hành kiểm tra, kiểm toán nội bộ thường xuyên

- Kiểm tra ít nhất 2 tháng/1 lần đối với các khoản vay:

+ Tất cả các khoản vay đã có ít nhất 1 kỳ chậm trả nợ gốc và/hoặc lãi.

+ Tất cả các khoản vay có dư nợ từ 2 tỷ đồng trở lên.

+ Khoản vay có dư nợ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng.

- Kiểm tra 6 tháng/ lần đối với các khoản vay có dư nợ từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng.

- Khoản vay có dư nợ dưới 500 triệu đồng: nếu là vay trung, dài hạn thì kiểm tra 6 tháng/lần; nếu là vay ngắn hạn thì kiểm tra khi có dấu hiệu bất thường.

e. Tuân theo đúng quy trình thẩm định và xét duyệt cho vay tại Chi nhánh

Quy trình nghiệp vụ tín dụng doanh nghiệp (8 bước):

Bước 1: Tiếp xúc khách hàng và hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ vay vốn

Bước 3: Thẩm định khách hàng (thẩm định về mọi mặt trừ TSBĐ)

Bước 4: Tập hợp hồ sơ trình ban tín dụng/ hội đồng tín dụng

Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ tín dụng

Bước 6: Lập và trình ký duyệt hồ sơ tín dụng

Bước 7: Thực hiện quyết định cấp tín dụng

Bước 8: Kiểm tra và xử lý nợ vay

f. Thực hiện các biện pháp đảm bảo tiền vay:

Chi nhánh áp dụng các biện pháp thế chấp, cầm cố, ký quỹ bằng tài sản của khách hàng vay, bảo lãnh của bên thứ 3 là Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB), tài sản hình thành từ vốn vay.

g. Phân tán rủi ro

Chi nhánh hiện đang thực hiện đa dạng hóa cho vay theo thành phần kinh tế, lĩnh vực ngành nghề, tập trung cho vay ngắn hạn và đặc biệt ưu tiên phục vụ tín dụng bán lẻ.

Mua bảo hiểm: Đối với những khoản vay có tài sản bảo đảm thì khách hàng phải mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm với mức tối thiểu bằng khoản vay.

2.2.4. Thực trạng tài trợ rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Tài trợ rủi ro

Theo định kỳ hàng quý, MSB chi nhánh Đà Nẵng tổ chức đánh giá và phân loại nợ, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để thực hiện trích lập dự phòng rủi ro phục vụ công tác quản lý chất lượng tín dụng và đánh giá tình hình kinh doanh của Ngân hàng. Thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo phân loại nợ.

Và Chi nhánh đã thực hiện việc phân loại nợ thành 5 nhóm:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

Nợ nhóm 3, 4, 5 được xếp là nợ xấu.

b. Tình hình xử lý nợ xấu tại chi nhánh

Theo kết cấu của dư nợ xử lý rủi ro, phần lớn các khoản dư nợ được xử lý là các DNNQD, tỉ trọng dư nợ xử lý rủi ro của thành phần kinh tế này chiếm đến 74% tổng dư nợ xử lý rủi ro. Kế hoạch thu hồi nợ xấu đến ngày 31/12/2011 của chi nhánh là 14.825 triệu đồng, đạt 85% so với kế hoạch.

- *Biện pháp xử lý nợ xấu tại Chi nhánh:*

Theo quy định của MSB, tại chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu từ 1% trở lên hoặc số dư nợ xấu từ 03 tỷ đồng trở lên thì phải tiến hành thành lập bộ phận thu hồi nợ chuyên trách (tổ/nhóm) đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc chi nhánh.

+ Tái cơ cấu nợ giúp khách hàng ổn định sản xuất, kinh doanh có nguồn trả nợ.

+ Nhận thêm tài sản bổ sung để đảm bảo cho các khoản vay.

+ Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc / gia hạn nợ gốc.

+ Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi / gia hạn nợ lãi.

2.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QTRRTDDN TẠI NGÂN HÀNG MSB CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Nợ quá hạn, nợ xấu của chi nhánh từ năm 2009 đến 2011 liên tục tăng. Về nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) thì có nhóm 4 (nợ nghi ngờ) tăng cũng khá cao, năm 2010 tuy nợ xấu có giảm đi nhưng vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng dư nợ cho vay (0,11%). Nợ quá hạn nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) vẫn còn tồn tại từ 255 triệu đồng đến 310 triệu đồng mỗi năm trong giai đoạn 2009-2011. Phân tích nợ quá hạn theo thành phần kinh tế cho thấy nợ quá hạn ở kinh tế ngoài quốc doanh có xu hướng tăng nhanh hơn thành phần kinh tế quốc doanh.

2.4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TDDN TẠI MSB ĐÀ NẴNG

2.4.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

a. Những kết quả đạt được:

- Phần lớn khoản vay đều được quản lý một cách thường xuyên.

- Ngân hàng MSB đã ban hành quy chế kiểm tra, kiểm soát sau khoản vay bằng văn bản tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giám sát khoản vay.

- MSB Đà Nẵng đã đưa vào sử dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ một cách có hiệu quả. Toàn bộ các doanh nghiệp đều được chấm điểm.

b. Nguyên nhân:

- Các chi nhánh trực thuộc và phòng giao dịch được đặt các vị trí trung tâm các quận.

- Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, hoạt động đơn giản, do đó hoạt động giám sát cũng đơn giản hơn.

- Doanh nghiệp vay vốn tại MSB Đà Nẵng được tập trung tại Chi nhánh.

- Chủ trương phát triển tín dụng của MSB Đà Nẵng luôn đi kèm với nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế rủi ro tín dụng.

- MSB Đà Nẵng luôn chú trọng tới việc đào tạo cho nhân viên kỹ năng thẩm định khách hàng, khoản vay.

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a. Những hạn chế

- *Nhận dạng rủi ro tín dụng doanh nghiệp:*

Công tác nhận diện rủi ro vẫn còn nhiều bất cập, mang tính chủ quan của cán bộ tín dụng. Nhiều dạng rủi ro mới xuất hiện chi nhánh không thể lường trước được.

- *Đo lường rủi ro tín dụng doanh nghiệp:*

- Công tác đo lường và đánh giá rủi ro chủ yếu dựa vào thông tin khách hàng cung cấp nên việc đánh giá, các báo cáo tài chính do khách hàng cung cấp đa số chưa qua kiểm toán do đó dẫn đến việc đo lường và đánh giá rủi ro thiếu khách quan và chính xác.

- Hệ thống chấm điểm tín dụng vẫn còn nhiều nhược điểm:

+ Mới chỉ dừng lại ở mức độ so sánh chứ chưa đạt đến mức độ đo lường theo đúng nghĩa. Điều cuối cùng chúng ta quan tâm trong kết quả đo lường phải được xác định bằng đơn vị đo cụ thể.

+ Còn giới hạn các chỉ tiêu định lượng là các chỉ số tài chính: một số biến số này lại dựa trên cở sở đánh giá chủ quan của cán bộ tín dụng.

+ Vẫn còn dựa trên một tiêu chí đó là mức độ rủi ro của khách hàng => cần phải so sánh một khách hàng hạng A+ không có bất cứ tài

sản bảo đảm nào và một người vay hạng B+ có tài sản bảo đảm bằng giá trị khoản vay thì khách hàng nào tốt hơn khi chọn cấp tín dụng .

- *Kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp:*

Kiểm soát nguồn rủi ro cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh được thực hiện thông qua công tác thu thập thông tin về khách hàng. Việc thu thập thông tin tại chi nhánh vẫn còn những hạn chế :

- Thông tin từ phía doanh nghiệp có độ tin cậy không cao.
- Thiếu thông tin chuyên ngành.
- Chất lượng thông tin của CIC chưa cao.

- *Tài trợ rủi ro tín dụng doanh nghiệp:*

- Chi nhánh chỉ áp dụng hình thức tự tài trợ rủi ro là chính.
- Tự tài trợ rủi ro sẽ làm cho nguồn vốn của chi nhánh không đươc sử dụng hiệu quả, chi phí cơ hội của vốn dự trữ sẽ rất lớn làm giảm thấp hiệu quả kinh doanh của chi nhánh.

b. Nguyên nhân của những hạn chế

- *Về phía khách hàng:*

- Do tình hình tài chính DN thiếu minh bạch, việc quản trị điều hành các DN chủ yếu hoạt động mang tính chất dân doanh, gia đình. Năng lực quản trị điều hành chủ doanh nghiệp hạn chế.

- Do sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trả nợ.

- Quy mô khách hàng ngày càng tăng và hoạt động ngày càng phức tạp khiến cho ngân hàng gặp khó khăn trong việc kiểm soát mục đích sử dụng vốn.

- *Hạn chế về phía ngân hàng:*

- Ngân hàng đưa ra chính sách tín dụng chưa phát huy được tối đa hiệu quả thể hiện ở chỗ nợ quá hạn vẫn còn tồn tại, .

- Chất lượng thẩm định và xét duyệt tín dụng chưa tốt.

- Ngân hàng quá lạm dụng tài sản thế chấp để cho vay.

- Công tác kiểm tra, giám sát khoản vay chưa chặt chẽ.

- Cán bộ ngân hàng chưa chấp hành đúng quy định cho vay.

Kết luận Chương 2

Thời gian qua chi nhánh Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng đã có nhiều cố gắng trong việc quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã phân tích trên, nên công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của chi nhánh MSB Đà Nẵng cũng còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy hết vai trò công tác quản lý, giám sát rủi ro cho hoạt động tín dụng của chi nhánh. Vì vậy, cần tiếp tục tăng cường và hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của chi nhánh MSB Đà Nẵng để nó thực sự là công cụ đắc lực cho Ban lãnh đạo ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng hiệu quả.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI - MSB CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NHTM MSB CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG NHỮNG NĂM 2012 – 2014

3.1.1. Định hướng phát triển chung của hệ thống MSB

MSB xác định chiến lược kinh doanh chủ đạo trong ngắn hạn và dài hạn của mình là *Ngân hàng bán lẻ*.

3.1.2. Định hướng phát triển quản trị rủi ro tín dụng của MSB chi nhánh Đà Nẵng

- *Về chiến lược khách hàng:*

- Đối với khách hàng cá nhân: duy trì thị phần hiện tại, không ngừng nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới.

- Đối với khách hàng DN: tăng trưởng tới 60%; g thị phần đối với doanh nghiệp lớn và trung bình, đẩy mạnh bán chéo sản phẩm.

- *Về chiến lược sản phẩm:*

Cung cấp những sản phẩm như tài trợ dự án, tài trợ thương mại; tài trợ xuất khẩu và tài trợ thương mại, tài trợ kho vận đối với

SME, thấu chi và cho vay tín chấp đối với khách hàng cá nhân.Triển khai các sản phẩm ngân hàng đầu tư; đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ngân quỹ, kinh doanh thị trường tiền tệ và ngoại hối.

- *Chiến lược về quản lý rủi ro:*

- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.
- Xây dựng và phát triển hệ thống xếp hạng tín dụng.
- Áp dụng chính sách tín dụng linh hoạt có kiểm soát.
- Phát huy sự lành mạnh trong hoạt động của Ngân hàng.

- *Chiến lược về nhân sự:*

Có chiến lược đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao cho mỗi vị trí để nâng cao trình độ và chất lượng công tác của CBNV.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI MSB CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện công tác nhận dạng rủi ro tín dụng doanh nghiệp

- Căn cứ vào quy trình tín dụng tác giả xin đề xuất mô hình nhận diện rủi ro tín dụng như sau:

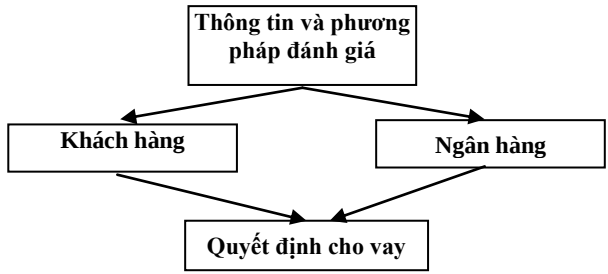

Hình 3.1: Mô hình các bước nhận diện nguồn rủi ro tín dụng

- Rủi ro từ nguồn thông tin.
- Nguồn rủi ro khách hàng: đến từ ba yếu tố sau:

Thứ nhất là môi trường kinh doanh của khách hàng:

Thứ hai là năng lực tài chính của khách hàng:

Thứ ba là tư cách của khách hàng:

- Nguồn rủi ro ngân hàng: Năng lực và đạo đức của cán bộ tín dụng và cán bộ thẩm định xét duyệt.

Xây dựng bảng thống kê các dấu hiệu nhận diện rủi ro tín dụng:

Thu thập thông tin: tư cách và năng lực pháp lý của khách hàng, cơ chế chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của khách hàng. Chi nhánh có thể nghiên cứu và thực hiện phương pháp Check – List: Phương pháp check – list là phương pháp thông qua các câu hỏi về những vấn đề có thể xảy ra, để từ đó nhận dạng và đánh giá mức độ tác động của từng loại rủi ro.

- Giao tiếp với các tổ chức chuyên nghiệp:

Trung tâm thông tin tín dụng của NHNN Việt Nam CIC, Trung tâm khoa học thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp CRC và Công ty thông tin và xếp hạng tín nhiệm C&R.

- Giao tiếp trong nội bộ tổ chức.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác đánh giá rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Đề xuất giải pháp phân loại nợ theo phương pháp định tính.

- Các yếu tố để phân loại nợ vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn):

+ Khoản vay được thanh toán lãi đúng định kỳ.

+ Khả năng thanh khoản cao, dòng lưu chuyển tiền tệ tốt.

+ Doanh nghiệp hoạt động trong ngành có khả năng thu nhập trên trung bình, có doanh thu từ bán hàng cao.

+ Sản phẩm có mức độ cạnh tranh trên thị trường tốt.

+ Chủ doanh nghiệp có khả năng quản trị điều hành công việc sản xuất kinh doanh, có từ hai nguồn trả nợ trở lên.

- Các yếu tố để phân loại nợ vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý):

+ Mức độ cạnh tranh tăng, tăng chi phí hoạt động

+ Ngành ở vị trí trung bình, ngành kinh doanh không có vấn đề trở ngại lớn, có lợi nhuận và khả năng thanh toán chấp nhận được.

+ Doanh thu ở mức trung bình, có đủ nguồn trả nợ

+ Dòng lưu chuyển tiền tệ dương nhưng ở mức tối thiểu.

+ Chủ doanh nghiệp có khả năng quản lý

- Các yếu tố để phân loại nợ vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn):

+ Khả năng tài chính kém, khả năng cạnh tranh kém

+ Dòng lưu chuyển tiền tệ âm, khó có khả năng trả nợ.

+ Giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ.

+ Điều kiện thị trường thấp

+ Chủ sở hữu doanh nghiệp thiếu khả năng vốn.

- Các yếu tố để phân loại nợ vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ):

+ Khả năng tài chính rất yếu kém.

+ Có khả năng phá sản, rủi ro là không tránh khỏi.

+ Tài sản thế chấp không đủ khả năng trả nợ.

+ Điều kiện kinh doanh yếu kém, không có khả năng trả nợ.

+ Yếu kém trong quản lý điều hành kinh doanh.

- Các yếu tố để phân loại nợ vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn):

Khi doanh nghiệp đang trong tình trạng bị phá sản thì ngân hàng tiến hành phân loại nợ vào nhóm 5. Trên cơ sở các tiêu chí phân loại các nhóm nợ theo phương pháp định tính, chi nhánh tiến hành trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng với mức trích tương tự theo phương pháp định lượng.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Nâng cao chất lượng lập và kiểm soát tờ trình vay vốn, chất lượng xét duyệt tại Ban tín dụng/Hội đồng tín dụng

Lập và kiểm soát tờ trình vay vốn:

- Nội dung thông tin về quan hệ tín dụng với MSB.

- Về phương án kinh doanh: cần mô tả rõ phương án đầu vào, đầu ra, quy trình sản xuất, tính xác thực của các hợp đồng kinh doanh đó, kết luận tính khả thi của phương án kinh doanh.

- Về tài sản bảo đảm: Phải mô tả cụ thể về TSBĐ; quan hệ của chủ sở hữu TSBĐ đối với bên vay; đánh giá về tính chuyển nhượng và phương thức quản lý TSBĐ trong thời gian thế chấp.

- *Xét duyệt tại Ban tín dụng/ Hội đồng tín dụng:*

- Khi xét duyệt tín dụng, Ban tín dụng phải họp với đủ số thành viên và thành phần theo quy định. Nội dung họp Ban tín dụng phải ghi vào sổ biên bản. .

- Tránh trường hợp Ban tín dụng phê duyệt vượt thẩm quyền.

- Đảm bảo tính dân chủ trong việc ra quyết định trong cuộc họp của Ban tín dụng/ Hội đồng tín dụng.

b. Thẩm định tốt trước khi cho vay và kiểm tra tín dụng chặt chẽ hơn

- *Thẩm định:*

- Từ phân tích dự án, phương án xin vay, cho đến việc xác định doanh thu, nguồn trả nợ từ dự án, phương án phải chính xác.

- Khả năng tài chính của khách hàng: Phải chuẩn hoá công tác kế toán tài chính.

- Về tài sản bảo đảm tiền vay: nên thông qua tổ chức trung gian có tư cách pháp nhân, có tính chất chuyên nghiệp.

- Đảm bảo yếu tố pháp lý của tất cả hồ sơ vay vốn.

- *Quyết định cho vay thiết lập hợp đồng:*

Thiết lập các hợp đồng tín dụng, bảo đảm tiền vay phải đảm bảo chặt chẽ, chú trọng tính pháp lý, lưu ý quyền hạn của các bên ký hợp đồng, tránh trường hợp hợp đồng vô hiệu

- *Giải ngân, kiểm soát trong khi cấp tín dụng:*

Có quy trình chuẩn về giải ngân và kiểm soát giải ngân. Cán bộ tín dụng phải thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của khách hàng. Khi xác định khoản vay là có vấn đề, cán bộ tín dụng phải chuyển ngay sang bộ phận xử lý rủi ro.

c. Thiết lập hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng

Thông thường công tác quản lý rủi ro bao gồm bốn bước:

- Bước1: Xác định rủi ro.
- Bước 2: Định lượng rủi ro.
- Bước 3: Điều tiết rủi ro.
- Bước 4: Giám sát rủi ro.

d. Thực hiện nghiêm túc các quy chế tín dụng

MSB Đà nẵng nên cho vay đối với khách hàng đầy đủ điều kiện tín dụng. Cần quan tâm đến các vấn đề như: năng lực tài chính, đạo đức của người điều hành, giám sát hoạt động của người vay.

e. Giải pháp về tài sản bảo đảm

Đối với chi nhánh, việc đánh giá tài sản bảo đảm tùy theo chủng loại và tỷ lệ tiền vay trên giá trị tài sản mà được đánh giá theo 3 mức: Mạnh – trung bình – yếu.

f. Giải pháp về bảo hiểm

Chi nhánh cần có biện pháp thắt chặt quy định người vay phải mua bảo hiểm đối với các loại tài sản, phương tiện có giá trị lớn. Vì vậy tác giả đề xuất giải pháp đó là có thể yêu cầu người vay mở một tài khoản tiền gửi với số dư tối thiểu tương đương mức mua bảo hiểm trong cả thời hạn vay và ủy quyền cho ngân hàng trực tiếp mua bảo hiểm cho các loại tài sản dùng làm tài sản bảo đảm vay ngân hàng.

g. Giải pháp về sử dụng các công cụ phái sinh

Một trong những công cụ phái sinh phổ biến hiện nay là cộng cụ hợp đồng quyền tín dụng (Credit Options). Hợp đồng này sẽ đảm bảo thanh toán toàn bộ khoản cho vay nếu như khoản cho vay này giảm giá đáng kể hoặc không thể được thanh toán. Còn nếu người vay trả nợ như kế hoạch thì hợp đồng quyền tín dụng sẽ không được sử dụng. Chi nhánh khi tham gia hợp đồng quyền tín dụng này phải trả một khoản phí do đó không phải bất kỳ khoản vay nào cũng tham gia công cụ này mà chỉ những khoản vay theo đánh giá của chi nhánh là có khả năng rủi ro cao thì mới áp dụng.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện công tác tài trợ rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Giải pháp về trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng cần tăng cường tích luỹ dự phòng rủi ro; cần phải phân bổ vốn nhiều hơn nữa vào các hoạt động kinh doanh có mức sinh lời cao như tín dụng, góp vốn liên doanh mua cổ phần, kinh doanh ngoại tệ, đồng thời tận thu những khoản lãi cho vay chưa thu

được. Với các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng, ngân hàng cần có kế hoạch theo dõi, tiếp tục thu hồi nợ nếu có thể làm tăng nguồn thu cho ngân hàng.

b. Thực hiện tốt việc phân loại nợ và sử dụng quỹ dự phòng để tài trợ rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ phải được thực hiện công khai, minh bạch, đúng bản chất từng khoản nợ.

3.2.5. Các giải pháp khác

- *Chú trọng phát triển nguồn nhân lực:*. Cần phải có chính sách đào tạo nâng cao hơn nữa trình độ của cán bộ tín dụng, nhất là thẩm định về phương diện kỹ thuật công nghệ.

- *Xây dựng bộ phận quan hệ khách hàng:* duy trì mối quan hệ với các khách hàng thân thiết, duy trì thông tin về những khách hàng đã từng vay vốn, tiếp cận những đối tượng khách hàng tìm năng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng đề xuất trên, tác giả có một số kiến nghị sau:

- Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng Trung tâm thông tin tín dụng; có cơ chế công cụ, chế tài để hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các ngân hàng; tăng cường vai trò quản lý đối với hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại; tăng tính hiệu quả của công tác thanh tra nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng trong các NHTM.

- Đối với Bộ tài chính: cần quy định bắt buộc kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm đối với tất cả các tổ chức; nâng cao chất lượng các báo cáo kiểm toán; quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị kiểm toán.

Quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng thương mại là lĩnh vực còn mới mẻ và phức tạp đối với ngành Ngân hàng Việt Nam. Do vậy, trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện, đề tài không thể tránh được những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý thầy, cô giáo và những người quan tâm đến vấn đề này để đề tài được hoàn thiện và ứng dụng có hiệu quả trong thực tế quản trị rủi ro tín dụng trong NHTM.